

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày: 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Mai Văn K, giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn Phú V, xã Thọ T, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H; chỗ ở: khu phố T, Phường T, thị xã T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Mai Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Na, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ tên Bùi Thị N, sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ và tạm giam đến ngày 05/10/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Họ và tên: Nguyễn Đình T, giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn Phú V, xã T, huyện T, tỉnh T; chỗ ở: Tổ 1, khu phố M, phường Thái H, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình Kh, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: Hà Đình C, giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn Phú V, xã Thọ T, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H; chỗ ở: Khu phố B, phường T, thị xã T, B; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: Lớp 03/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình Q (Chết) và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1951; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

4. Họ và tên: Nguyễn Đình G, giới tính: Nam; sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn Phú V, xã Thọ T, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H; chỗ ở: Phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Đình T (Chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1929; bị cáo có vợ tên Trịnh Thị H, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Nguyễn Đình T, giới tính: Nam; sinh năm 1966 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn P, xã T, TX, TH; chỗ ở: Ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 03/10; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; bị cáo có cha tên Nguyễn Đình T (chết) và mẹ tên Hà Thị Kén, sinh năm 1950; bị cáo có 01 em: sinh năm 1976; bị cáo có vợ tên Trịnh Thị P, sinh năm 1970 và có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

6. Họ và tên: Hà Đình M, giới tính: Nam; sinh năm 1977 tại B; NKTT: Phường M, thị xã B, tỉnh B; chỗ ở: Khu phố 3, Phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; bị cáo có cha tên Hà Đình C (chết) và mẹ tên Đỗ Thị T; bị cáo có vợ tên Trần Thị Hiền, sinh năm 1981 và 02 con; con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

7. Họ và tên: Trịnh Duy D, giới tính: Nam; sinh năm 1973 tại Thanh Hóa; NKTT: Thôn Thọ L, xã Thọ T, huyện Thọ X, tỉnh Thanh H; chỗ ở: Khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; bị cáo có cha tên Trịnh Duy T, sinh năm 1952 và mẹ tên Lê Thị H, sinh năm 1953; bị cáo có 04 em lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1980; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 và 03 con; con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/8/2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 15/8/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thi L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Phú Vinh, xã T, huyện Thọ X, tỉnh T; tạm trú: Nhà trọ ông Nguyễn Thanh L (Tư Liêm), khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn K, Hà Đình C, Nguyễn Đình T (sinh năm 1966), Hà Đình M, Nguyễn Đình G, Trịnh Duy D, Nguyễn Đình T (sinh năm 1982), cùng với 02 đối tượng có tên thường gọi S, V (không rõ nhân thân, lai lịch) là đồng hương cùng ở huyện Thọ X, tỉnh T nên quen biết với nhau.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/8/2017, K, C, T (sinh năm 1966), M, G, D, T (sinh năm 1982), S và V cùng đi dự tiệc cưới tại nhà hàng Thanh Lễ thuộc thành phố T, tỉnh B. Trong lúc dự tiệc cưới và gặp nhau nên tất cả rủ nhau sau khi tham gia dự tiệc cưới xong sẽ về kiốt của bà Đỗ Thị L tại nhà trọ Nguyễn Thanh L thuộc khu phố TH, phường T, thị xã T, tỉnh B để thăm ông Trịnh Xuân H (chồng bà L) bị bệnh mất trí nhớ (tâm thần) thì tất cả cùng đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, K, C, T (1982), G, T (1966), M, D cùng S, V lần lượt đến kiốt của bà L. Sau khi thăm hỏi sức khỏe ông Hòa xong, tất cả cùng đi ra bên ngoài kiốt ngồi chơi nói chuyện với nhau, riêng bà L đi qua căn kiốt kê bên để buôn bán (vợ chồng bà L thuê 02 căn kiốt: 01 căn để ở, 01 căn để buôn bán tạp hóa). Lúc này, K rủ C, T (sinh năm 1982), G, T (sinh năm 1966) và S, V tham gia đánh bạc với hình thức chơi lắc xóc đĩa được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. T (sinh năm 1966) mang theo ít tiền nên hỏi mượn T (sinh năm 1982) số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). T (sinh năm 1982) đưa cho T (sinh năm 1966) mượn số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để chơi đánh bạc. Đồng thời T (sinh năm 1982) đi lấy một vỏ gói thuốc hiệu Hero, một cây kéo trong kiốt của bà L đưa cho C để C làm các quân bài sử dụng lắc xóc đĩa. C sử dụng kéo cắt bao thuốc lá thành 04 miếng giấy hình tròn có đường kính khoảng 1,5cm, có một mặt màu xanh và một mặt màu trắng để làm quân bài nhằm mục đích sử dụng đánh bạc. C dùng một cái đĩa sành và một cái chén có sẵn trong kiốt của bà L bỏ 4 quân bài vừa cắt vào chén và dùng cái đĩa sành úp lên để cùng nhau chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Lúc này, K, C, T (sinh năm 1966), G, T (sinh năm 1982), S, V cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, mỗi ván người chơi đặt cược từ 50.000 đồng - 200.000 đồng và lần lượt tất cả thay phiên nhau làm cái. Chơi được khoảng gần 30 phút thì V và S nghỉ không chơi nữa và ra về trước. Cùng lúc này D và M cũng lần lượt đến thăm ông Hòa và có ngồi bên ngoài xem T (sinh năm 1966), T (sinh năm 1982), C, K, G, D đánh bạc khoảng 10 phút, thì D và M cũng vào cùng tham gia chơi đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, lực lượng Công an phường T, thị xã T, tỉnh B kiểm tra phát hiện nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K, C, T (sinh năm 1982), G, T (sinh năm 1966), D, M và thu giữ tại vị trí đánh bạc với tổng số tiền là 25.550.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm

trăm năm mươi nghìn đồng); 01 bộ chơi xóc đĩa (BL 5-10). Đồng thời, tạm giữ đồ vật tài sản có liên quan gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu vàng và 01 chứng M nhân dân mang tên Trịnh Duy D (do Trịnh Duy D giao nộp) (BL 16);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1200, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình M và số tiền 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) (do Hà Đình M giao nộp) (BL 36);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình C và số tiền 4.590.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) (do Hà Đình C giao nộp) (BL 22);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime số kiểu máy SM-G610F/DS và số tiền 5.706.000 đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) (do Mai Văn K giao nộp) (BL 51);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu đen, 01 chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Đình G (do Nguyễn Đình G giao nộp) (BL 44);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1202 và số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), (do Nguyễn Đình T giao nộp) (BL 67);

Công an phường T chuyển hồ sơ cùng vật chứng và các tài sản, đồ vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cáo trạng số: 03-QĐ/KSĐT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân THỊ XÃ T truy tố các bị cáo Mai Văn K, Nguyễn Đình T (sinh năm 1966), Hà Đình C, Hà Đình M, Nguyễn Đình G, Trịnh Duy D, Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) về tội “Đánh bạc” theo quy định Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- Mai Văn K khai: Mang theo số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) khi tham gia K cho Gửi mượn số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và cho M mượn số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để đánh bạc cùng với K và đồng phạm, còn lại 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng), K lấy ra 500.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc, số tiền còn lại 5.706.000 đồng K bỏ vào túi quần không sử dụng đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang K đã ném hết số tiền sử dụng đánh bạc vào chiếu bạc nên không biết thắng hay thua (BL 47-49, 54, 102-105, 287, 362);

- Hà Đình C khai: Mang theo 4.690.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và sử dụng 100.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì C thắng 200.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ của C số tiền 4.590.000 đồng trong túi quần C đang mặc là tiền cá nhân không dùng vào mục đích đánh bạc được thua bằng tiền (BL 17-20, 86-89, 281, 358);

- Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) khai: Mang theo số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), khi đánh bạc thì T (sinh năm 1982) cho

T (sinh năm 1966) mượn số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 3.500.000 đồng T (sinh năm 1982) sử dụng hết tất cả số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T (sinh năm 1982) thắng được 400.000 đồng và ném tất cả số tiền trên vào chiếu bạc (BL 25-27, 92, 279, 356).

- Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) khai: Mang theo số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và mượn của T (sinh năm 1982) số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để sử dụng đánh bạc hết số tiền trên. Khi bị bắt quả tang thì T (sinh năm 1966) thua số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), số tiền 3.000.000 đồng còn lại T ném vào chiếu bạc. Số tiền 200.000 đồng T (sinh năm 1966) để trong túi áo nên bị tạm giữ (BL 58-63, 106, 289, 360);

- Hà Đình M khai: mang theo số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) và sử dụng hết số tiền này để tham gia đánh bạc, khi thua hết số tiền 250.000 đồng M mượn của K 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và sử dụng hết số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì M thua số tiền 3.120.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) còn lại số tiền 130.000 đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ quả tang (BL 32-34, 94, 285, 352);

- Nguyễn Đình G khai: Mang theo số tiền 780.000 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và sử dụng hết số tiền này để tham gia đánh bạc, khi thua hết số tiền 780.000 đồng thì Gửi mượn của K 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và sử dụng hết số tiền này để tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang Gửi vừa thua hết số tiền 5.580.000 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) (BL 39-42, 98, 283, 364);

- Trịnh Duy D khai: Mang theo 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên vào tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang D vừa thua hết số tiền trên (BL 11-12, 82-85, 277, 354).

Đối với 02 đối tượng có tên gọi là V và S, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với bà Đỗ Thị L, do các bị cáo sử dụng phần phía trước kiốt làm địa điểm chơi lắc xóc đĩa được thua bằng tiền, bà L hoàn toàn không biết và không có thu tiền xâu từ các bị cáo chơi lắc xóc đĩa được thua bằng tiền. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Đỗ Thị L về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt:

Mai Văn K từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Hà Đình C từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Hà Đình M từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Nguyễn Đình G từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Trịnh Duy D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và đồ vật tài sản có liên quan: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền: 25.550.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo Trịnh Duy D 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu vàng và 01 chứng M nhân dân mang tên Trịnh Duy D;

Trả lại cho Hà Đình M 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1200, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình M; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng);

Trả lại cho Hà Đình C 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình C và số tiền 4.590.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng);

Trả lại cho Mai Văn K 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime số kiểu máy SM-G610F/DS và số tiền 5.706.000 đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng);

Trả lại cho Nguyễn Đình G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu đen, 01 chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Đình G;

Trả lại cho Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1202 và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ chơi xóc đĩa gồm: 01 đĩa sành hình tròn, 01 chén sành; 04 miếng giấy hình tròn, đường kính 1,5 cm (một mặt màu xanh và một mặt màu trắng).

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Tỉnh B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06-8-2017 do Công an phường T lập và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 06-8-2017, Mai Văn K, Hà Đình C, Nguyễn Đình T (sinh năm 1966), Hà Đình M, Nguyễn Đình G, Trịnh Duy D và Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) cùng với 02 đối tượng có tên thường gọi S, V (không rõ nhân thân, lý lịch) đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng là 25.880.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Ngày 06-8-2017, Mai Văn K biết Gửi và M vay tiền để chơi đánh bạc nhưng K vẫn cho Gửi vay số tiền 4.800.000 đồng và cho M vay số tiền 3.000.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc được thua bằng tiền với K và đồng phạm. Bị Cáo Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) biết bị cáo Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) vay tiền để đánh bạc nhưng bị cáo T (sinh năm 1982) vẫn cho bị cáo T (sinh năm 1966) vay 4.000.000 đồng để đánh bạc. Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Đánh bạc được quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố các bị cáo Khoản 1 của tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 .

[5] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt. Các bị cáo là lao động chính trong gia đình, các bị có trình độ học vấn thấp.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia phạm tội một cách tích cực. Trong đó, bị cáo K là người khởi xướng thực hiện hành vi đánh bạc và cho bị cáo M, Gửi vay tiền để đánh bạc; bị cáo T (sinh năm 1982) là người lấy dụng cụ đánh bạc và cho bị cáo T (sinh năm 1966) vay tiền để tham gia đánh bạc; bị cáo C là người làm ra các quân bài sử dụng đánh bạc do đó vai trò của các bị cáo là tích cực hơn các bị cáo khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm an toàn trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hiện nay, tệ nạn đánh bạc vẫn còn diễn

biến phức tạp trong cộng đồng dân cư, tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hoá của nhân dân và hạnh phúc của nhiều gia đình; đánh bạc cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[7] Về xử lý vật chứng và đồ vật, tài sản có liên quan: Số tiền: 25.880.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với giấy chứng M nhân dân và điện thoại di động và tiền của các bị cáo không sử dụng đánh bạc là đồ vật, tài sản của các bị cáo nên cần trả lại; 01 bộ dụng cụ xóc đĩa là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Mai Văn K, Hà Đình C, Nguyễn Đình T (sinh năm 1982), Nguyễn Đình T (sinh năm 1966), Hà Đình M, Nguyễn Đình G và Trịnh Duy D phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt tiền:

- 1.1. Mai Văn K 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- 1.2. Nguyễn Đình T (sinh năm 1982) 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- 1.3. Hà Đình C 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
- 1.4. Hà Đình M 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- 1.5. Nguyễn Đình G 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- 1.6. Trịnh Duy D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- 1.7. Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

(Tiền phạt các bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền: 25.880.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng);

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ xóc đĩa gồm: 01 đĩa sành hình tròn, 01 chén sành; 04 miếng giấy hình tròn, đường kính 1,5 cm (một mặt màu xanh và một mặt màu trắng);

Trả lại cho bị cáo Trịnh Duy D 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu vàng và 01 chứng M nhân dân mang tên Trịnh Duy D;

Trả lại cho Hà Đình M 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1200, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình M và số tiền 130.000đ (Một trăm ba mươi nghìn đồng);

Trả lại cho Hà Đình C 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, 01 chứng M nhân dân mang tên Hà Đình C và số tiền 4.590.000đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng);

Trả lại cho Mai Văn K 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime số kiểu máy SM-G610F/DS và số tiền 5.706.000 đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng);

Trả lại cho Nguyễn Đình G 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu đen, 01 chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Đình G;

Trả lại cho Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia model 1202.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã T với Công an thị xã T).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc các bị cáo Mai Văn K, Hà Đình C, Nguyễn Đình T (sinh năm 1982), Hà Đình M, Nguyễn Đình G, Trịnh Duy D và Nguyễn Đình T (sinh năm 1966) mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND THỊ XÃ T;
- Công an THỊ XÃ T;
- Chi cục THADS THỊ XÃ T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm